|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HẬU GIANG**  Số: 745 /QĐ-UBND |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hậu Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2015* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải V/v ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải V/v ban hành Quy chuẩn quốc gia về bến xe khách;

Căn cứ Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải V/v quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2011 của UBND tỉnh Hậu Giang V/v phê duyệt “Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 925/UBND-KTTH ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang V/v chủ trương lập “Quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 27/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 4 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, với các nội dung chính như sau:

**I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH:**

**1. Quan điểm:**

- Phát triển mạng lưới vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên tuyến cố định phải bảo đảm nguyên tắc, phù hợp với quy hoạch tổng thể, quy hoạch giao thông vận tải, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khai thác tiềm năng phát triển kinh tế xã hội của từng vùng, từng địa phương; tạo điều kiện lưu thông, giao lưu qua lại giữa các địa phương được thuận tiện, nhanh chóng và đảm bảo an toàn giao thông.

- Xây dựng mạng lưới các tuyến cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên tuyến cố định một cách khoa học, chặt chẽ đảm bảo tính hợp lý và đầy đủ số lượng tạo thành một hệ thống vận tải liên hoàn, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân với mức độ tin cậy cao; nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước thay thế các phương tiện thô sơ, xe máy, làm giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, phải đảm bảo các quy định liên quan đến cảnh quan, môi trường và trật tự xã hội, tạo ra một môi trường hoạt động kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia.

**2. Mục tiêu:**

- Quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên tuyến cố định nhằm thiết lập được mạng lưới vận tải hành khách hợp lý, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, góp phần hạn chế việc sử dụng phương tiện cá nhân, giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng mạng lưới vận tải hành khách cố định nội tỉnh ổn định với chất lượng dịch vụ tốt, cơ cấu giá thành hợp lý, đáp ứng nhu cầu vận tải giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh kế - xã hội chung của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về hoạt động vận tải, từng bước xây dựng và đưa ra các giải pháp hiệu quả khi khai thác kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh, thu hút sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và phát triển.

**II. NỘI DUNG QUY HOẠCH**

**1. Quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách cố định nội tỉnh:**

***- Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020:***

1) Tuyến từ bến xe Vị Thanh đi bến xe Ngã Bảy và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61, Đường tỉnh 927B, Đường tỉnh 927; với cự ly là 45km.

2) Tuyến từ bến xe Long Mỹ đi thị trấn Mái Dầm và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61B, Quốc lộ 61, Quốc lộ 1, Đường tỉnh 925, với cự ly là 61km.

3) Tuyến từ bến xe Long Mỹ đi thị trấn Búng Tàu và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61B, Đường tỉnh 928B; với cự ly là 30km.

4) Tuyến từ bến xe Vị Thanh đi thị trấn Mái Dầm và ngược lại, hành trình chạy xe: Đường tỉnh 931B, Đường tỉnh 929, Quốc lộ 61, Quốc lộ 1, Đường tỉnh 925; với cự ly là 63km.

*-* ***Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030:***

1) Tuyến từ bến xe Vị Thanh đi thị trấn Mái Dầm và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61, Đường tỉnh 927B, Đường tỉnh 927, Quốc lộ 1, Đường tỉnh 927C, với cự ly là 65 km (nối tuyến số 01).

2) Tuyến từ Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ) đi thị trấn Mái Dầm và ngược lại, hành trình chạy xe: Đường tỉnh 930, Quốc lộ 61B, Quốc lộ 61, Quốc lộ 1, Đường tỉnh 925; với cự ly là 75km (nối tuyến số 02).

3) Tuyến từ bến xe Long Mỹ đi bến xe Ngã Bảy và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61B, Đường tỉnh 928B, Đường tỉnh 927, với cự ly là 40km (nối tuyến số 03).

4) Tuyến từ bến xe Châu Thành A đi thị trấn Búng Tàu và ngược lại, hành trình chạy xe: Đường tỉnh 929, Quốc lộ 61, Đường tỉnh 928; với cự ly là 32km.

5) Tuyến từ bến xe Vị Thanh đi xã Lương Nghĩa và ngược lại, hành trình chạy xe: Quốc lộ 61, Quốc lộ 61B, Đường tỉnh 930, Đường tỉnh 930B; với cự ly là 51km.

**2. Quy hoạch vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên tuyến cố định:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuyến đường** | | **Tại Km** | **Vị trí** | | | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| **Trái** | **Phải** | |
| **Tuyến Quốc lộ** | | | | | | | |
| Quốc  lộ 1 | 1 | Km 2088 + 290 | X |  | Xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp | | Ngang Lò mổ |
| 2 | Km 2090 + 150 |  | X | Xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp | | Gần chợ Long Thạnh |
| 3 | Km 2093 + 200 | X |  | Ấp Thạnh Lợi A1, Xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp | | UBND xã Tân Long |
| 4 | Km 2095 + 450 |  | X | Ấp Thạnh Lợi A2, Xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp | | Gần chợ Cầu Trắng |
| Quốc  lộ  61 | 5 | Km 7 + 650 |  | X | Xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp | | Gần Trường Him Lam |
| 6 | Km 7 + 770 | X |  | Thị trấn Rạch Gòi,  huyện Châu Thành A | | Gần chợ Rạch Gòi |
| 7 | Km 10 + 170 | X |  | Xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp | | Gần chợ Cầu Đình |
|  | 8 | Km 10 + 710 |  | X | Xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp | | Gần UBND  xã Tân Bình |
| 9 | Km 24 + 400 | X |  | Xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp | | Gần chợ Cầu Móng |
| 10 | Km 24 + 600 |  | X | Xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp | | Gần chợ Cầu Móng |
| 11 | Km 45+500 | X |  | Phường 1, thành phố Vị Thanh | | Cầu tàu Bệnh viên Đa khoa tỉnh |
| 12 | Km 45+900 |  | X | Phường 1, thành phố Vị Thanh | | Cầu tàu Bệnh viên Đa khoa tỉnh |
| 13 | Km 51 + 300 | X |  | Xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh | | Trụ sở UBND xã Tân Tiến |
| 14 | Km 51 + 700 |  | X | Xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh | | Trụ sở UBND xã Tân Tiến |
| Quốc  lộ  61B | 15 | Km 12 + 100 | X |  | Ấp Tân Bình, xã Long Phú, huyện Long Mỹ | | Gần cầu Xí Nghiệp |
| 16 | Km 12 + 300 |  | X | Ấp Tân Bình, xã Long Phú, huyện Long Mỹ | | Gần cầu Xí Nghiệp |
| **Tuyến đường tỉnh** | | | | | | | |
| Đường tỉnh  925 | 1 | Km 00 + 100 |  | X | Ấp Phú Thạnh, xã Tân phú, huyện Châu Thành | | Gần bót số 10 |
| 2 | Km 00 + 200 | X |  | Ấp Phú Thạnh, xã Tân phú,  huyện Châu Thành | | Gần bót số 10 |
| 3 | Km 3 + 400 |  | X | Ấp Đông Thuận, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành | | Gần đường vào chợ  Cái Chanh |
| 4 | Km 3 + 500 | X |  | Ấp Đông Thuận, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành | | Gần đường vào chợ  Cái Chanh |
| 5 | Km 16 + 250 | X |  | Ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu,  huyện Châu Thành | | Gần Trường THPT  Phú Hữu |
| 6 | Km 16 + 150 |  | X | Ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu,  huyện Châu Thành | | Gần Trường THPT  Phú Hữu |
| Đường tỉnh  927 | 7 | Km 14 + 850 |  | X | Ấp 1, xã Hòa An,  huyện Phụng Hiệp | | Gần cầu Xáng Bộ |
| 8 | Km 14 + 900 | X |  | Ấp 1, xã Hòa An,  huyện Phụng Hiệp | | Gần cầu Xáng Bộ |
| 9 | Km 20 + 450 | X |  | Ấp Phương Lạc, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp | | UBND xã Phương Bình |
| 10 | Km 20 + 500 |  | X | Ấp Phương Lạc, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp | | UBND xã Phương Bình |
| Đường tỉnh  928 | 11 | Km 9 + 300 | X |  | Ấp Mỹ Phú, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp | | Gần Chợ Hòa Mỹ |
| 12 | Km 9 + 600 |  | X | Ấp Mỹ Phú, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp | | Gần Chợ Hòa Mỹ |
|  | 13 | Km 25 + 100 | X |  | Ấp Hòa Hưng, thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp | | Gần UBND thị trấn Búng Tàu |
| 14 | Km 25 + 150 |  | X | Ấp Hòa Hưng, thị trấn Búng Tàu, huyện Phụng Hiệp | | Gần UBND  thị trấn Búng Tàu |
| Đường tỉnh  928 B | 15 | Km 10 + 100 |  | X | Ấp Phương An A, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp | | UBND xã Phương Phú |
| 16 | Km 10 + 200 | X |  | Ấp Phương An A, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp | | UBND xã Phương Phú |
| 17 | Km 24 + 100 | X |  | Ấp Long Hòa 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ | | Gần chợ Long Phú |
| 18 | Km 24 + 300 |  | X | Ấp Long Hòa 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ | | Gần chợ Long Phú |
| Đường tỉnh  929 | 19 | Km 6 + 400 | X |  | Xã Trường Long A,  huyện Châu Thành A | | Khu dân cư |
| 20 | Km 6 + 900 |  | X | Xã Trường Long A,  huyện Châu Thành A | | Cách Ngã Ba 200m |
| Đường tỉnh  930 | 21 | Km 6 + 100 |  | X | Ấp 6, xã Thuận Hưng,  huyện Long Mỹ | | Chợ Thuận Hưng |
| 22 | Km 6 + 00 | X |  | Ấp 6, xã Thuận Hưng,  huyện Long Mỹ | | UBND  xã Thuận Hưng |
| Đường tỉnh  930B | 23 | Km 00 | X |  | Ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ | | Gần chợ Xà Phiên |
| 24 | Km 00 + 300 |  | X | Ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ | | UBND xã Xà Phiên |
| 25 | Km 12 + 200 |  | X | Ấp 3, xã Lương Tâm,  huyện Long Mỹ | | Trạm Y tế Lương Tâm |
| 26 | Km 13 + 400 | X |  | Ấp 3, xã Lương Tâm,  huyện Long Mỹ | | Trạm Y tế Lương Tâm |
| Đường tỉnh  931B | 27 | Km 4 + 250 | X |  | Xã Vị Đông, huyện Vị Thủy | | Cách cầu Hội Đồng 150m |
| 28 | Km 4 + 450 |  | X | Xã Vị Đông, huyện Vị Thủy | | Gần cầu Hội Đồng |
| 29 | Km 8 + 100 | X |  | Xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy | | Cách cầu 14 Ngàn 150m |
| 30 | Km 8 + 300 |  | X | Xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy | | Gần cầu 14 Ngàn |
| 31 | Km 15 + 100 |  | X | Thị trấn Bảy Ngàn,  huyện Châu Thành A | | Nhà Thờ 7 Ngàn |
| 32 | Km 15 + 300 | X |  | Thị trấn Bảy Ngàn,  huyện Châu Thành A | | Nhà Thờ 7 Ngàn |

**3. Nguồn vốn đầu tư:** nguồn vốn đầu tư vị trí các điểm dừng, đón trả kháchtừngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác (khuyến khích đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa, việc đầu tư xây dựng điểm dừng, đón trả khách được thực hiện trên cơ sở điều kiện cụ thể tại thời điểm có đề xuất của cơ quan quản lý Nhà nước về vận tải).

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Sở Giao thông vận tải:**

- Triển khai Quyết định này đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định, đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Trong quá trình xét duyệt, thẩm định thiết kế các dự án đầu tư mới hoặc nâng cấp mở rộng các tuyến đường bộ phải yêu cầu chủ đầu tư đưa vào dự án đầu tư hạng mục các điểm đón, trả khách tuyến cố định theo quy định.

- Tổ chức, quản lý hoạt động vận tải khách cố định trên địa bàn và các biển báo dừng, đón trả khách tại các vị trí đã lắp đặt, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông.

- Phối hợp với Chi cục Quản lý đường bộ 4.5 và cơ quan đơn vị có liên quan trong công tác quản lý vận tải tại các điểm dừng, đón trả khách cố định trên các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện đầu tư, quản lý, duy tu, bảo dưỡng các biển báo dừng, đón trả khách tuyến cố định đã được lắp đặt trên các tuyến đường tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo Thanh tra Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, xử lý nghiêm các phương tiện vận tải khách tuyến cố định dừng, đón trả khách không đúng nơi quy định.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh thực hiện phương án chạy xe và dừng, đón trả khách đúng các vị trí đã quy định.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành việc thực hiện quy hoạch, căn cứ vào lộ trình quy hoạch chủ động giải quyết tăng, giảm số lượng doanh nghiệp, số lượng phương tiện và báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch về số lượng tuyến, số lượng vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên tuyến cố định nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân.

**2. Ban An toàn giao thông tỉnh:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện thông tin, tuyên truyền đến các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh biết về vị trí lắp đặt các biển báo dừng, đón trả khách tuyến cố định để xây dựng phương án kinh doanh phù hợp.

**3. Công an tỉnh:**

Thực hiện tuần tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các phương tiện vận tải hành khách dừng, đón trả khách không đúng nơi quy định.

**4. Sở Tài Chính:**

- Cân đối nguồn vốn thực hiện việc đầu tư, duy tu, bảo dưỡng các biển báo được lắp đặt trên các tuyến đường tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị vận tải thực hiện việc kê khai giá cước.

**5. UBND huyện, thị xã, thành phố:**

- Tuyên truyền các đơn vị kinh doanh vận tải khách tuyến cố định nội tỉnh về vị trí các biển báo dừng, đón trả khách đã được lắp đặt để thực hiện theo đúng quy định.

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông tại các vị trí các điểm dừng, đón trả khách đã lắp đặt biển báo.

- Xử lý các đối tượng lấn chiếm các vị trí lắp đặt biển báo dừng, đón trả khách để buôn bán.

**Điều 2**. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cùng địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

**Điều 3.** Giám đốc Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh, Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** **PHÓ CHỦ TỊCH**  - Bộ GTVT;  - Như Điều 3;  - Lưu: VT, KTTH . TĐ  E\2015\QH\phe duyet QH tuyen van tai noi tinh | **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH**  (đã ký)  **Nguyễn Liên Khoa** |